

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 750/2026/HC-PT
Ngày 24 tháng 6 năm 2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán:

Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Bảo Vân – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 378/2025/TLPT-HC ngày 26/11/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 841/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 507/2026/QĐPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1944. Địa chỉ: A, Tổ H, Ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/3/2025): Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1979. Địa chỉ: A, Tổ H, Ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Trường C - Trưởng Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: B T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2026):* Ông Trương Ngọc Thanh N - Phó Chủ tịch UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: A đường V, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Dương Thị Kim H1 - Phó trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xã Tân Vĩnh L. Địa chỉ: A đường V, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt: Bà Phạm Thị Thu V, Luật sư Bùi Trường C và bà Dương Thị Kim H1. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B (có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Thu V) trình bày:

Ngày 24/12/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 11316/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B (Phương án số 4764/PABT-HĐBT ngày 24/12/2024). Theo đó, phần đất có diện tích 400.6m² bị thu hồi của bà B không được bồi thường do UBND huyện B cho rằng phần đất này không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ do nằm trong ranh giải phóng mặt bằng dự án công trình thủy lợi kênh A - Kênh C do Ban Q (hoàn thành năm 1996), đã được bồi thường. UBND huyện B chỉ hỗ trợ hoa màu số tiền 4.074.350 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 3.000.000 đồng. Tổng cộng UBND huyện B hỗ trợ cho bà B số tiền 7.074.350 đồng.

Bà B không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 11316/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B.

+ Yêu cầu UBND huyện B bồi thường phần đất 400.6m² theo đơn giá đất ở; bồi thường 100% đơn giá xây dựng đối với vật kiến trúc.

Người bị kiện là UBND huyện B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản số 364/UBND

ngày 05/9/2025 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

1. Vị trí, diện tích khu đất ảnh hưởng dự án: Diện tích ảnh hưởng trong dự án: 400,6m², thuộc một phần thửa số 16 tờ bản đồ thứ 7 theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB, tương ứng một phần thửa số 26, 508, và đường, tờ bản đồ số 85, Bộ Địa chính xã V. Được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số: 29 do Công ty Cổ phần D lập ngày 16 tháng 10 năm 2024. Trong đó:

+ Thửa số 508-1, tờ bản đồ số 85, tài liệu BĐĐC với diện tích 27,2 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CH00669 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do UBND huyện cấp cho bà Nguyễn Thị B,

+ Thửa 26, tờ bản đồ số 85, tài liệu BĐĐC với diện tích 25,2 m² chưa được UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

+ Còn lại 348,2 m² là diện tích đất đường.

2. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất.

2.1. Về đất: Giấy xác nhận số 3509/GXN-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của UBND xã V về xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc có nội dung:

“2. Nguồn gốc, tình trạng sử dụng đất:

2.1. Về đất:

- Một phần thửa 508-1 (27,2 m²) đã được cấp GCNQSDĐ số CH00287 ngày 15/11/2010 do UBND huyện cấp cho bà Nguyễn Thị B.

- Thửa 26-1 (23,5 m², 26-2 (1,7 m²) chưa có GCN, nguồn gốc: bà Nguyễn Thị B sử dụng từ năm 1976. (bà B không có đăng ký sổ bộ địa chính 299/TTg).

- @- đường do nhà nước trực tiếp quản lý, bà Nguyễn Thị B chiếm sử dụng sau ngày 15/11/2010 đến trước ngày 01/7/2014 (có Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng).

+ Mục đích sử dụng: TV, ODT, @-đường.

+ Hiện do ai sử dụng: bà Nguyễn Thị B sử dụng.

+ Tình trạng tranh chấp: Không.

2.3. Về ranh công trình Thủy lợi 416: Theo bản đồ hiện trạng do Công ty TNHH D lập (bản vẽ do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp) có cập nhật ranh công trình Thủy lợi 416. Toàn bộ phần đất nằm trong ranh đã thu hồi của Dự án công trình thủy lợi 416.

Phần đất bị giải tỏa có thời điểm sử dụng:

- Thửa 508-1 (27.2 m²), Thửa 26-2 (23.5 m²), 26-2 (1.7 m²) sử dụng trước 01/7/2014 (có sổ thửa và có kê khai BDD).

- Đ-đường chiếm sử dụng sau ngày 15/11/2010 đến trước ngày 1/7/2014 (GCN CH 00287 ngày 15/11/2010)''.

2.2. Về nhà và vật kiến trúc:

* Nhà 1: diện tích 34,24m². Trong đó: 1,08m² thuộc thửa 26 tờ 85 xây dựng sau ngày 01/7/2006 trước 01/7/2014 (được ghi nhận trên GCN số CH00669 ngày 15/11/2010), 33,16m² nằm trên đ-đường do bà B xây dựng năm 2011 (Theo Biên nhận họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 2: diện tích 76,71m². Trong đó: 0,54m² thuộc thửa 26 tờ 85 xây dựng sau ngày 01/7/2006 trước ngày 01/7/2014 (được ghi nhận trên GCN số CH00669 ngày 15/11/2010), 76,17m² nằm trên đ-đường do bà B xây dựng năm 2011 (Theo Biên nhận họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 3: diện tích: 26,66m². Trong đó: 0,32m² nằm trên thửa 508: 0,05m² nằm trên thửa 26 tờ 85 xây dựng sau ngày 01/7/2006 trước ngày 01/7/2014 (được ghi nhận trên GCN số CH00669 ngày 15/11/2010), 26,29m² nằm trên đ -đường do bà B xây dựng năm 2011 (Theo Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 4: diện tích 9,57m² (trệt 9,12m², lững 0,45m²). Trong đó: 3,15m² nằm trên thửa 508 tờ 85 xây dựng sau ngày 01/7/2006 trước ngày 01/7/2014) được ghi nhận trên GCN số CH00669 ngày 15/11/2010); Diện tích 6,42m² nằm trên đường do bà B xây dựng năm 2011 (Theo Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 5: diện tích 12,98m² (trệt 10,09m², lững 2,89m²). Trong đó: 5,56m² nằm trên thửa 508 tờ 85 và diện tích 7,42m² nằm trên đ - đường do bà B xây dựng năm 2011 (Theo Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 6: diện tích 0,96m² (trệt diện tích 0,48m², lầu 1 diện tích 0,48m²). Nằm trên thửa 508 do bà B được cấp GCN số CH00669 ngày 15/11/2010.

* Nhà 7: diện tích 26,26m². Nằm trên thửa 26 và đ - đường. Trong đó: 15,55m² thuộc thửa 26, xây dựng năm 1976 (nhà có thể hiện trên BĐĐC) chưa được cấp GCN. 7,95m² xây dựng năm 2011. Phần diện tích 2,76m² thuộc đ-đường xây dựng năm 2011 (theo Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

* Nhà 8: diện tích 53,73m². Trong đó: 17,93m² thuộc thửa 508 và 35,8m² thuộc đ – đường xây dựng năm 2011. Sân bê tông 2 tạo lập năm 2011 (theo Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng ngày 10/11/2024).

3. Về việc ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ

3.1. Về Dự án Thủy lợi 416 khi lập hồ sơ bồi thường:

Dự án Kênh A - Kênh C thuộc Dự án Thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh Thành phố H được Bộ N1 phê duyệt tại Quyết định số 94/QĐ-DDTXCB-QĐ ngày 27 tháng 01 năm 1996.

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, hồ sơ hoàn công công trình Kênh A - Kênh C, Bản đồ tuyến thiết kế dự án của Công ty K – Bộ T – B, do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố H, Ban Q1 – thuộc Bộ N1 (tiền thân của Ban Q) và được cung cấp hồ sơ liên quan đến dự án Kênh T - Kênh C cung cấp. Ban Q2 liên hệ với đơn vị tư vấn, thiết kế chõng ghép bản đồ của dự án và được Trung tâm kiểm định bản đồ và T1 kiểm duyệt vào ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Căn cứ Bản đồ số T0243/L1 của Sở T2 phê duyệt ngày 21 tháng 8 năm 2024 trong đó bao gồm ranh dự án 416 (01 bản gốc và 03 bản đóng dấu treo), đơn vị tư vấn xác định được ranh ngoài thực địa làm cơ sở để xác định diện tích đất trong và ngoài ranh của dự án thủy lợi 416.

- Về hồ sơ pháp lý áp giá trong ranh Dự án 416 trước đây của bà Nguyễn Thị B đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, với số tiền 10.192.000 đồng theo Danh sách của Ban Q đối với Dự án Kênh A - Kênh C thuộc dự án Thủy Lợi H - B.

3.2. Về ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết:

Từ hồ sơ pháp lý nêu trên, ngày 24 tháng 12 năm 2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 11316/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 11316/QĐ-UBND*) về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B với tổng số tiền là 7.074.350 đồng. (*Đính kèm Phương án số 4763/PA-HĐBT ngày 24 tháng 12 năm 2024*), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích 400,6 m² (bao gồm thuộc một phần thửa 26, 508, đường) đất không đủ điều kiện bồi thường do nằm trọn trong ranh giải phóng mặt bằng dự án công trình thủy lợi Kênh An H2 - Kênh C do Ban Q (hoàn thành năm 1996), bà Nguyễn Thị B đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phần diện tích ảnh hưởng trong Dự án Thủy lợi 416 (hoàn thành năm 1996) theo Danh sách của Ban Q đối với Dự án Kênh A - Kênh C thuộc dự án Thủy Lợi H - B.

- Bồi thường công trình, vật kiến trúc trên đất: Nằm trong ranh giải phóng mặt bằng dự án công trình thủy lợi Kênh An H2-Kênh C do Ban Q, không đủ điều kiện bồi thường (khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2024).

- Bồi thường cây trồng, hoa màu với số tiền: 4.074.350 đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền: 3.000.000 đồng.

Từ cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND xã T đề nghị Tòa án xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 11316/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện B, bác toàn bộ các nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 841/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc hủy Quyết định số 11316/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B (kèm Phương án số 4764/PABT ngày 24/12/2024).

Buộc Chủ tịch UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2025, Chủ tịch UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/4/2006, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã T trình bày: UBND đang lên phương án hỗ trợ cho bà B cũng như hỗ trợ cho một số hộ dân khác trong Dự án. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để UBND thực hiện phương án hỗ trợ cho bà B. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã T trình bày: Sau khi về kiểm tra thì Quyết định bồi thường cho bà B đang bị kháng cáo, án sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định này nên bây giờ khó sửa đổi bổ sung. Hiện đã có Quyết định ban hành 19 tiêu chí để bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho các gia đình, UBND ban hành Quyết định 3212 để bổ sung phương án bồi thường thêm trong dự án đường T này. Đối với hồ sơ người dân không khởi kiện tại Tòa thì sau khi xem xét lại, nếu hộ dân nào đủ điều kiện sẽ hỗ trợ bổ sung. Trường hợp gia đình bà B nếu không khởi kiện thì đã được xem xét, đủ điều kiện thì sẽ hỗ trợ khoảng 4,5 tỷ đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B đòi là bồi thường, nhưng khoản của UBND đang xem xét là hỗ trợ chứ không phải bồi thường nên UBND không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. UBND đề nghị giữ nguyên ý kiến theo Công văn số 364/UBND ngày 05/9/2025 về ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí

Minh phát biểu: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30; Điều 32; khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Ngày 24/12/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 11316/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Phương án số 4764/PABT-HĐBT ngày 24/12/2024). Theo đó, phần đất có diện tích 400,6m² bị thu hồi của bà B không được bồi thường do UBND huyện B cho rằng phần đất này không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ do nằm trong ranh giải phóng mặt bằng dự án công trình thủy lợi kênh A - Kênh C do Ban Q (hoàn thành năm 1996) đã được bồi thường. Về nhà, vật kiến trúc: không bồi thường, hỗ trợ. Về hoa màu: hỗ trợ số tiền 4.074.350 đồng và hỗ trợ ổn định đời sống 3.000.000 đồng. Tổng cộng UBND huyện B hỗ trợ cho bà B số tiền 7.074.350 đồng.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty CP D (*sau đây viết tắt là Công ty D*) lập ngày 16/10/2024 và Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc số 3509/GXN-UBND ngày 12/11/2024 của UBND xã P thì bà B bị thu hồi 400,6m² đất, gồm:

+ 27,2m² thuộc thửa 508-1, Tờ bản đồ 85 Bộ Địa chính xã P, huyện B, loại đất ONT đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CH00669 (trong Giấy xác nhận số 3509/GXN-UBND ghi nhầm là CH00287) ngày 15/11/2010 cho bà Nguyễn Thị B;

+ 23,5m² thuộc thửa 26-1 và 1,7m² thuộc thửa 26-2, Tờ bản đồ 85 Bộ địa chính xã P, huyện B, loại đất TV chưa được cấp giấy chứng nhận, nguồn gốc: bà B sử dụng từ năm 1976, không có đăng ký sổ bộ địa chính 299/TTg;

+ 348,2m² thuộc thửa @ là đường, do Nhà nước trực tiếp quản lý, bà B chiếm sử dụng sau ngày 15/11/2010 đến trước ngày 01/7/2014 (có Biên bản họp dân xác định thời điểm xây dựng).

Toàn bộ phần diện tích đất này nằm trong ranh giải phóng mặt bằng dự án công trình thủy lợi kênh A - Kênh C do Ban Q (hoàn thành năm 1996).

Xét thấy: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty D lập ngày 16/10/2024 thì phần đất không được bồi thường theo Quyết định số 11316/QĐ-UBND của UBND huyện B nằm trong ranh thu hồi của Dự án kênh A - Kênh C. UBND huyện chưa xác định được diện tích 158m² đã bồi thường cho bà B trong Dự án kênh A - Kênh C nằm ở vị trí nào, có trùng với vị trí đất bà B đã được cấp GCNQSDĐ số CH00669 ngày 15/11/2010 hay không. UBND huyện cho rằng có sai sót khi cấp giấy chứng nhận cho bà B nhưng hiện chưa có kết luận nào xác định giấy chứng nhận này đã được cấp sai quy định.

Do Quyết định số 11316/QĐ-UBND có sai sót nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy quyết định để Chủ tịch UBND xã T (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) xác minh nguồn gốc, vị trí đất thu hồi để xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ cho bà B là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất, do cần xác minh lại nguồn gốc, vị trí đất thu hồi nên vật kiến trúc trên đất cũng sẽ được xác định có đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi Chủ tịch UBND xã T ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới cho bà B.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T. Đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 841/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tuyên xử:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc hủy Quyết định số 11316/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường T tại xã V, huyện B (kèm Phương án số 4764/PABT ngày 24/12/2024).

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

3. Án phí: Chủ tịch UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm hành chính, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0042573 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP HCM;
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự (4);
- Lưu VT (5), HS (2) 16B (DTBV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân